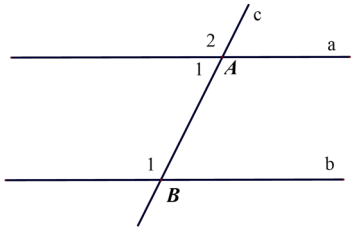
UBND PHƯỜNG VIỆT YÊN
TRƯỜNG THCS VIỆT YÊN SỐ 1

(Đề thi có 3 trang)

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2026 - 2027
MÔN: TOÁN 7
Thời gian làm bài: 90 phút
(không kể thời gian phát đề)

Họ và tên:..... Số báo danh: ..... **Mã đề 701**

Câu 1. Cho hình vẽ, biết $a//b$ và $\widehat{B_1}=110°$. Số đo góc A_2 là:



A. $\widehat{A_2}=60°$ **B.** $\widehat{A_2}=110°$ **C.** $\widehat{A_2}=70°$ **D.** $\widehat{A_2}=130°$

Câu 2. Cho ba đường thẳng phân biệt a,b và c, biết $a//b$ và $a//c$. Kết luận nào đúng

A. $b\perp c$ **B.** $b//c$
C. $a\perp b$ **D.** Các đáp án A, B, C đều sai

Câu 3. Phép tính nào sau đây ***không đúng?***

A. $x^2.x^6=x^{12}$ **B.** $(x^3)^4=x^{12}$ **C.** $x^{18}:x^6=x^{12}(x\neq 0)$ **D.** $x^4.x^8=x^{12}$

Câu 4. Trong các số $0,15;-1\frac{3}{4};\frac{-6}{11};0;\frac{-5}{9};\frac{25}{14}$ có bao nhiêu số hữu tỉ dương?

A. 4 **B.** 3 **C.** 2 **D.** 1

Câu 5. Số đối của $\frac{-5}{7}$ là

A. $\frac{7}{5}$ **B.** $\frac{-7}{5}$ **C.** $\frac{5}{7}$ **D.** $\frac{5}{-7}$

Câu 6. Viết các số thập phân $2,212121...$ dưới dạng thu gọn (có chu kì trong dấu ngoặc)

A. $2,(212)$. **B.** $2,(2)$. **C.** $2,(21)$. **D.** $2,21$.

Câu 7. Qua một điểm ở ngoài một đường thẳng, vẽ được bao nhiêu đường thẳng đi qua điểm đó và song song với đường thẳng đã cho?

A. Có vô số **B.** Có ít nhất một **C.** Chỉ có một **D.** Không có

Câu 8. Cho tia Oz là tia phân giác của $\widehat{xOy}$. Biết $\widehat{xOy}=60°$. Số đo của $\widehat{xOz}$ là

A. 60° **B.** 30° **C.** 120° **D.** 160°

Câu 9. Nếu $\sqrt{x}=9$ thì giá trị của x là

A. $x=-81$. **B.** $x=3$. **C.** $x=81$. **D.** $x=-3$.

thuvientoanhoc.com

Câu 10. Câu nào sau đây **không** đúng?

A. Định lí là một khẳng định suy ra từ những khẳng định đúng đã biết.

B. Chứng minh định lí dùng lập luận từ giả thiết và những khẳng định đúng để suy ra kết luận.

C. Khi định lí được phát biểu dưới dạng: "Nếu… thì…" phần nằm giữa từ "nếu" và "thì" là phần giả thiết, viết tắt GT, phần sau từ "thì" là phần kết luận, viết tắt KL.

D. Khi chứng minh định lí ta dùng cách đo đạc trực tiếp để suy ra kết luận.

Câu 11. Trong các số sau, số nào ***không*** phải số hữu tỉ?

A. $1,256$. **B.** $\sqrt{3}$ **C.** $2,(3)$ **D.** $3\frac{1}{4}$

Câu 12. Cho $a,b\in Z$ và a, b $\neq 0$; $x=\frac{a}{b}$. Nếu a và b trái dấu thì

A. $x>0$ **B.** $x<0$ **C.** $x\leq 0$ **D.** $x\leq 0$

Câu 13. Tập hợp các số hữu tỉ kí hiệu là

A. Z **B.** N **C.** R **D.** Q

Câu 14. Kết quả của phép tính $\frac{-3}{20}+1\frac{2}{15}$ là

A. $\frac{59}{60}$ **B.** $\frac{-77}{60}$ **C.** $\frac{-5}{35}$ **D.** $\frac{-1}{35}$

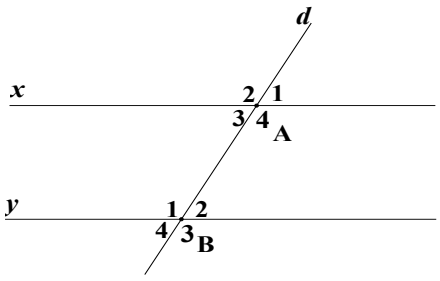
Câu 15. Thứ tự thực hiện phép tính trên tập số hữu tỉ nào sau đây là đúng đối với biểu thức có dấu ngoặc?

A. [ ] → ( ) → { } **B.** ( ) → [ ] → { } **C.** { } → [ ] → ( ) **D.** [ ] → { } → ( ).

Câu 16. Kết quả của phép tính $\left(\frac{-2}{3}\right)^2$ bằng

A. $\frac{-2}{3}$ **B.** $\frac{-4}{9}$ **C.** $\frac{2}{3}$ **D.** $\frac{4}{9}$

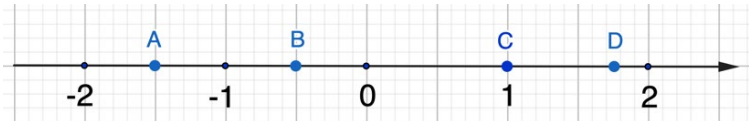
Câu 17. Biết một cặp góc so le trong $\widehat{A_4}=\widehat{B_1}=130°$. Tính số đo của cặp góc so le trong còn lại là



A. 130° **B.** 40° **C.** 145° **D.** 50°

thuvientoanhoc.com

Câu 18. Điểm nào sau đây biểu diễn số hữu tỉ $\frac{-3}{2}$?



A. Điểm D **B.** Điểm A **C.** Điểm C **D.** Điểm B

Câu 19. Số nào sau đây là số vô tỉ?

A. $-0,25$ **B.** $5,(04)$ **C.** $\sqrt{16}$ **D.** $\sqrt{8}$

Câu 20. Trong các câu sau câu nào ***đúng***?

A. $-5 \in \mathbb{N}$ **B.** $\frac{8}{3} \in \mathbb{Q}$ **C.** $10 \notin \mathbb{N}$ **D.** $0,25 \in \mathbb{Z}$

II. TỰ LUẬN. ***(5,0 điểm)***

Câu 21. ***(1,5 điểm)***

1) Tính:

a) $12,38.48 + 12,38 . 52$ b) $\left(\frac{1}{3}\right)^2 : \frac{-2}{9} + \frac{1}{2}$

2) Bạn An trang trí một chiếc trống có bán kính mặt trống R=12 cm. Em hãy giúp bạn An xác định diện tích của mặt trống theo đơn vị cm và làm tròn kết quả đến độ chính xác 0,05. Biết diện tích hình tròn là $3,14.R^2$

Câu 22. ***(1,5 điểm)*** Tìm x biết:

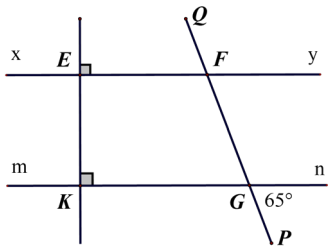
a) $3x + \frac{1}{4} = \frac{5}{4}$ b) $(x-3)^3 = 216$

Câu 23. ***(1,5 điểm)*** Cho hình vẽ bên.

Vẽ hình và viết giả thiết, kết luận của bài toán, sau đó:

a) Chứng minh: xy // mn

b) Tính số đo góc EFG.



Câu 24. ***(0,5 điểm)*** Trong ngày khai trương, một cửa hàng bán đồ ăn mở hai chương trình khuyến mãi:

+ Hình thức 1 : Mua 3 suất ăn tính tiền 2 suất ăn

+ Hình thức 2: Giảm 15% cho tổng hóa đơn

Biết giá vé cho mỗi suất ăn là 289 000 đồng (giá chưa bao gồm thuế VAT 10%) . Hỏi nếu gia đình bạn Bình có 5 người đến ăn thì nên chọn hình thức nào có lợi hơn? Vì sao?

---------- HẾT ----------

thuvientoanhoc.com

UBND PHƯỜNG VIỆT YÊN
TRƯỜNG THCS VIỆT YÊN SỐ 1

(Đề thi có 3 trang)

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2026 - 2027
MÔN: TOÁN 7
Thời gian làm bài: 90 phút
(không kể thời gian phát đề)

Họ và tên: ..... Số báo danh: ..... **Mã đề 702**

I. TRẮC NGHIỆM. *(5,0 điểm) Chọn chữ cái trước câu trả lời đúng:*

Câu 1. Cho $a,b \in Z$ và a, b $\neq 0$; $x=\frac{a}{b}$. Nếu a và b trái dấu thì

A. $x>0$ **B.** $x<0$ **C.** $x\le 0$ **D.** $x\le 0$

Câu 2. Thứ tự thực hiện phép tính trên tập số hữu tỉ nào sau đây là đúng đối với biểu thức có dấu ngoặc?

A. [ ] → ( ) → { } **B.** ( ) → [ ] → { } **C.** { } → [ ] → ( ) **D.** [ ] → { } → ( ).

Câu 3. Cho tia Oz là tia phân giác của $\widehat{xOy}$. Biết $\widehat{xOy}=60^o$. Số đo của $\widehat{xOz}$ là

A. 160° **B.** 120° **C.** 60° **D.** 30°

Câu 4. Trong các câu sau, câu nào ***đúng***?

A. $-5\in\mathbb{N}$. **B.** $10\notin\mathbb{N}$. **C.** $0,25\in\mathbb{Z}$. **D.** $\frac{8}{3}\in\mathbb{Q}$.

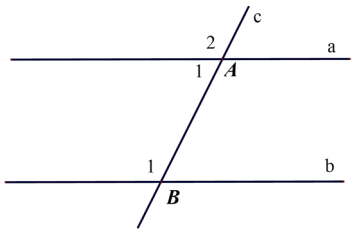
Câu 5. Kết quả của phép tính $\left(\frac{-2}{3}\right)^2$ bằng

A. $\frac{-4}{9}$ **B.** $\frac{4}{9}$ **C.** $\frac{-2}{3}$ **D.** $\frac{2}{3}$

Câu 6. Phép tính nào sau đây ***không đúng?***

A. $x^4.x^8=x^{12}$ **B.** $x^{18}:x^6=x^{12}(x\neq 0)$ **C.** $(x^3)^4=x^{12}$ **D.** $x^2.x^6=x^{12}$

Câu 7. Cho hình vẽ, biết $a//b$ và $\widehat{B_1}=110°$. Số đo góc A_2 là:



A. $\widehat{A_2}=60°$ **B.** $\widehat{A_2}=70°$ **C.** $\widehat{A_2}=110°$ **D.** $\widehat{A_2}=130°$

Câu 8. Trong các số sau, số nào ***không*** phải số hữu tỉ?

A. $2,(3)$. **B.** $\sqrt{3}$. **C.** $1,256$. **D.** $3\frac{1}{4}$.

Câu 9. Số đối của $\frac{-5}{7}$ là

A. $\frac{5}{-7}$ **B.** $\frac{-7}{5}$ **C.** $\frac{7}{5}$ **D.** $\frac{5}{7}$

thuvientoanhoc.com

Câu 10. Kết quả của phép tính $\frac{-3}{20}+1\frac{2}{15}$ là

A. $\frac{59}{60}$ **B.** $\frac{-77}{60}$ **C.** $\frac{-5}{35}$ **D.** $\frac{-1}{35}$

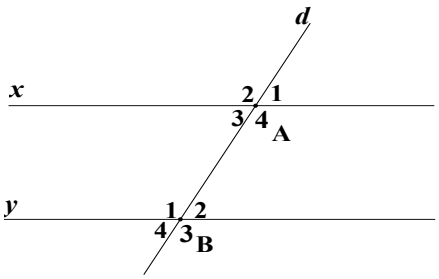
Câu 11. Tập hợp các số hữu tỉ kí hiệu là

A. N **B.** Q **C.** Z **D.** R

Câu 12. Viết các số thập phân $2,212121...$ dưới dạng thu gọn (có chu kì trong dấu ngoặc):

A. $2,(21)$. **B.** $2,(212)$. **C.** $2,(2)$. **D.** $2,21$.

Câu 13. Biết một cặp góc so le trong $\widehat{A_4}=\widehat{B_1}=130°$. Tính số đo của cặp góc so le trong còn lại là

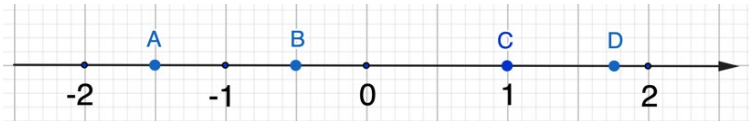


A. 50° **B.** 40° **C.** 130° **D.** 145°

Câu 14. Nếu $\sqrt{x}=9$ thì giá trị của x là

A. $x=-3$. **B.** $x=-81$. **C.** $x=81$. **D.** $x=3$.

Câu 15. Điểm nào sau đây biểu diễn số hữu tỉ $\frac{-3}{2}$?



A. Điểm D **B.** Điểm A **C.** Điểm C **D.** Điểm B

Câu 16. Câu nào sau đây **không** đúng?

A. Khi chứng minh định lí ta dùng cách đo đạc trực tiếp để suy ra kết luận.

B. Định lí là một khẳng định suy ra từ những khẳng định đúng đã biết.

C. Chứng minh định lí dùng lập luận từ giả thiết và những khẳng định đúng để suy ra kết luận.

D. Khi định lí được phát biểu dưới dạng: "Nếu… thì…" phần nằm giữa từ "nếu" và "thì" là phần giả thiết, viết tắt GT, phần sau từ "thì" là phần kết luận, viết tắt KL.

Câu 17. Qua một điểm ở ngoài một đường thẳng, vẽ được bao nhiêu đường thẳng đi qua điểm đó và song song với đường thẳng đã cho?

A. Có vô số **B.** Không có **C.** Có ít nhất một **D.** Chỉ có một

Câu 18. Trong các số $0,15;-1\frac{3}{4};\frac{-6}{11};0;\frac{-5}{9};\frac{25}{14}$ có bao nhiêu số hữu tỉ dương?

A. 3 **B.** 4 **C.** 2 **D.** 1

thuvientoanhoc.com

Câu 19. Cho ba đường thẳng phân biệt a,b và c, biết $a//b$ và $a//c$. Kết luận nào đúng?

A. $b \perp c$ **B.** $a \perp b$

C. $b//c$ **D.** Các đáp án A, B, C đều sai

Câu 20. Số nào sau đây là số vô tỉ?

A. $-0,25$ **B.** $\sqrt{16}$ **C.** $5,(04)$ **D.** $\sqrt{8}$

II. TỰ LUẬN. ***(5,0 điểm)***

Câu 21. ***(1,5 điểm)***

1) Tính:

a) $12,38.48 + 12,38.52$ b) $\left(\frac{1}{3}\right)^2 : \frac{-2}{9} + \frac{1}{2}$

2) Bạn An trang trí một chiếc trống có bán kính mặt trống R=12 cm. Em hãy giúp bạn An xác định diện tích của mặt trống theo đơn vị cm và làm tròn kết quả đến độ chính xác 0,05. Biết diện tích hình tròn là $3,14.R^2$

Câu 22. ***(1,5 điểm)*** Tìm x biết:

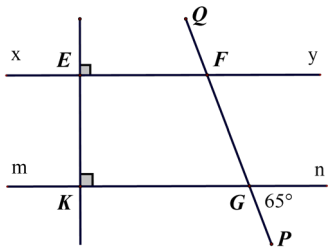
a) $3x + \frac{1}{4} = \frac{5}{4}$ b) $(x-3)^3 = 216$

Câu 23. ***(1,5 điểm)*** Cho hình vẽ bên.

Vẽ hình và viết giả thiết, kết luận của bài toán, sau đó:

a) Chứng minh: xy // mn

b) Tính số đo góc EFG.



Câu 24. ***(0,5 điểm)*** Trong ngày khai trương, một cửa hàng bán đồ ăn mở hai chương trình khuyến mãi:

+ Hình thức 1 : Mua 3 suất ăn tính tiền 2 suất ăn

+ Hình thức 2: Giảm 15% cho tổng hóa đơn

Biết giá vé cho mỗi suất ăn là 289 000 đồng (giá chưa bao gồm thuế VAT 10%) . Hỏi nếu gia đình bạn Bình có 5 người đến ăn thì nên chọn hình thức nào có lợi hơn? Vì sao?

---------- HẾT ----------

thuvientoanhoc.com

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
MÔN: TOÁN 7

Thời gian : 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. Phần trắc nghiệm (5 điểm). Mỗi câu chọn đúng đáp án được 0,25 điểm.

ĐỀ SỐ 701:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	**B**	**B**	**A**	**C**	**C**	**C**	**C**	**B**	**C**	**D**
Câu	**11**	**12**	**13**	**14**	**15**	**16**	**17**	**18**	**19**	**20**
Đáp án	**B**	**B**	**D**	**A**	**B**	**D**	**D**	**B**	**D**	**B**

ĐỀ SỐ 702

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	**B**	**B**	**D**	**D**	**B**	**D**	**C**	**B**	**D**	**A**
Câu	**11**	**12**	**13**	**14**	**15**	**16**	**17**	**18**	**19**	**20**
Đáp án	**B**	**A**	**A**	**C**	**B**	**A**	**D**	**C**	**C**	**D**

II. Phần tự luận (5 điểm).

Câu		**Sơ lược các bước giải**	**Điểm**
Câu 21 (1.5 đ)	a (0,5 đ)	a/ 12,38. 48 + 12,38 . 52 = 12,38 . (48 + 52) = 12,38 . 100 = 1238	0.25 0.25
	b (0,5 đ)	b/ $\left(\frac{1}{3}\right)^2 : \frac{-2}{9} + \frac{1}{2} = \frac{1}{9} . \frac{-9}{2} + \frac{1}{2}$	0.25
		$= \frac{-1}{2} + \frac{1}{2} = 0$	0.25
	(1đ)	Diện tích mặt trống đơn vị cm là: $12.12.3,14 \approx 452,2$ (cm)	0.5
Câu 22 (1 đ)	a (0,5 đ)	$3x + \frac{1}{4} = \frac{5}{4}$ $3x = \frac{5}{4} - \frac{1}{4}$	0.25
		$3x = 1$ $x = \frac{1}{3}$ Vậy $x = \frac{1}{3}$	0.25
	b (0,5 đ)	$(x-3)^3 = 216$	

thuvientoanhoc.com

		$\Rightarrow (x-3)^3 = 6^3$ Suy ra x-3=6	0.25
		x=9 KL	0.25
Câu 23 (1,5 đ)	a (1.0 đ)	- HS vẽ hình và ghi GT, KL đúng	0.5
		Ta có: $\begin{cases} xy \perp EK \ (gt) \\ mn \perp EK \ (gt) \end{cases} \Rightarrow xy // mn$	0.5
	b (0.5 đ)	Ta có: $\widehat{FGn} + \widehat{nGP} = 180°$ (kề bù) $\Rightarrow \widehat{FGn} = 180° - \widehat{nGP} = 180° - 65° = 115°$ Mà $xy // mn \ (cmt) \Rightarrow \widehat{EFG} = \widehat{FGn}$ (so le trong) $\Rightarrow \widehat{EFG} = 115^0$	0.5
Câu 24 (0,5 đ)		Giá tiền 1 vé phải trả là: 289 000. 1,1% = 317 900 (đồng) Số tiền gia đình bạn Bình trả theo hình thức 1 là: 2. 317 900 + 2. 317 900 = 1 271 600 đồng Số tiền gia đình bạn Bình trả theo hình thức 2 là: 5. 317 900. (100% - 15%) = 1 351 075 đồng Vậy theo hình thức 1 sẽ có lợi hơn. (HS tính giá chưa giảm thuế để so sánh đúng vẫn cho điểm tối đa)	0.5
Tổng			**10 đ**

Lưu ý khi chấm bài:

- *Trên đây chỉ là sơ lược các bước giải. Lời giải của học sinh cần lập luận chặt chẽ hợp logic. Nếu học sinh làm cách khác mà giải đúng thì cho điểm tối đa.*

thuvientoanhoc.com

1. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I TOÁN – LỚP 7

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng		Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số câu hỏi		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TN	TL	
1	Số hữu tỉ	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ	4 1 đ		1 0,25 đ			1 1đ			9	3	5.25
		Các phép tính với số hữu tỉ	2 0,5 đ		2 0,5đ	1 1đ		1 0,5 đ		1 0,5 đ			
	Số thực	Số vô tỉ,căn bậc hai số học	3 0,75 đ		2 0,5 đ	1 0,5 đ					5	0,5	2,25
2	Góc và đường thẳng song song	Các góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc.	2 0,5đ		2 0,5 đ	1 0,5đ					6	1 ,5	3
		Hai đường thẳng song song. Định lí và chứng minh định lí	1 0,25đ		1 0,25đ	1 1 đ							
Tổng: Số câu Điểm			12 3đ		8 2đ	4 3đ		2 1,5đ		1 0,5 đ	20 5đ	5 5đ	10,0
Tỉ lệ %			30%		50%		15%		5%				100%
Tỉ lệ chung			80%				20%						100%

thuvientoanhoc.com

thuvientoanhoc.com

2. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 7

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
ĐẠI SỐ							
1	**Số hữu tỉ**	***Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ***	***Nhận biết:*** – Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ.	4 TN			
			– Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ.				
			– Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ.				
			– Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ.				
			Thông hiểu: – Biểu diễn được số hữu tỉ trên trục số.		1TN		
			Vận dụng: – So sánh được hai số hữu tỉ.			1TL	
		Các phép tính với số hữu tỉ	**Thông hiểu:** – Mô tả được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai luỹ thừa cùng cơ số, luỹ thừa của luỹ thừa).	2 TN	2TN 1TL		
			– Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ.				
			Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ.			1TL	

thuvientoanhoc.com

			– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).				
			– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)***gắn với các phép tính về số hữu tỉ. (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, trong đo đạc,...).				
			Vận dụng cao: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số hữu tỉ.				1TL
	Số thực	***Số vô tỉ***	***Nhận biết:*** – Nhận biết được số vô tỉ và lấy được ví dụ về số vô tỉ	1TN			
			– Thông hiểu: -Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay.		1TN		
		Số thực	***Nhận biết:*** -Nhận biết được số thực, tập hợp các số thực, thứ tự trong tập hợp số thực, số đối của một số thực	2TN	1TN		
HÌNH HỌC							
2	**Góc và đường thẳng song**	***Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc***	***Nhận biết:*** - Được các góc ở vị trí đặc biệt. - Nhận biết được tia phân giác của một góc và vẽ được tia phân giác	2TN			

thuvientoanhoc.com

	song		***Thông hiểu*** - Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song. - Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng qua cặp góc đồng vị và so le trong bằng nhau.		2TN 1TL		
		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Oclit. Định lí và chứng minh định lí	***Nhận biết*** – Được khái niệm về định lý và chứng minh định lí. - Nắm được nội dung của Tiên đề Oclit	1TN			
			Thông hiểu – Nhận biệt được rõ dấu hiệu và tính chất của hai đường thẳng song song. - Hiểu được mối quan hệ từ vuông góc đến song song.		1TN		
			Vận dụng : Diễn đạt được lập luận và chứng minh hai đường thẳng song song. - Tính toán được số đo các góc ở vị trí đặc biệt		1TL		

thuvientoanhoc.com

ĐỀ BÀI

I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Câu 1. Trong các câu sau câu nào ***đúng***?:

A. $-5 \in \mathbb{N}$. **B.** $10 \notin \mathbb{N}$. **C.** $0,25 \in \mathbb{Z}$. **D.** $\frac{8}{3} \in \mathbb{Q}$.

Câu 2. Tập hợp các số hữu tỉ kí hiệu là:

A. N **B.** R **C.** Q **D.** Z

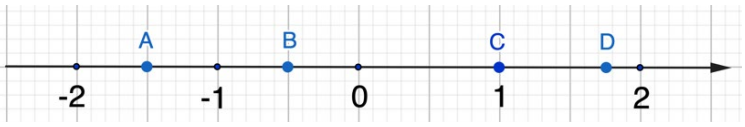
Câu 3. Số đối của $\frac{-5}{7}$ là:

A. $\frac{-7}{5}$ **B.** $\frac{7}{5}$ **C.** $\frac{5}{-7}$ **D.** $\frac{5}{7}$

Câu 4 : Cho $a,b \in Z$ và a, b $\neq 0$; x = $\frac{a}{b}$. Nếu a và b trái dấu thì

A. $x = 0$ **B.** $x > 0$ **C.** $x < 0$ **D.** $x \leq 0$

Câu 5. Điểm nào sau đây biểu diễn số hữu tỉ $\frac{-3}{2}$?



A. Điểm D. **B.** Điểm A. **C.** Điểm C. **D.** Điểm B.

Câu 6. Phép tính nào sau đây ***không đúng?***

A. $x^{18} : x^6 = x^{12} (x \neq 0)$ **B.** $x^4 . x^8 = x^{12}$ **C.** $x^2 . x^6 = x^{12}$ **D.** $(x^3)^4 = x^{12}$

Câu 7. Thứ tự thực hiện phép tính trên tập số hữu tỉ nào sau đây là đúng đối với biểu thức có dấu ngoặc?

A. [ ] → ( ) → { } **B.** ( ) → [ ] → { } **C.** { } → [ ] → ( ) **D.** [ ] → { } → ( ).

Câu 8: Trong các số $0,15; -1\frac{3}{4}; \frac{-6}{11}; 0; \frac{-5}{9}; \frac{25}{14}$ có bao nhiêu số hữu tỉ dương?

A. 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

Câu 9. Kết quả của phép tính $\left(\frac{-2}{3}\right)^2$ bằng

A. $\frac{-4}{9}$ **B.** $\frac{2}{3}$ **C.** $\frac{4}{9}$ **D.** $\frac{-2}{3}$

Câu 10. Viết các số thập phân $2,212121...$ dưới dạng thu gọn (có chu kì trong dấu ngoặc):

A. $2,(212)$. **B.** $2,(2)$. **C.** $2,(21)$. **D.** $2,21$.

Câu 11. Kết quả của phép tính $\frac{-3}{20} + 1\frac{2}{15}$ là:

A. $\frac{59}{60}$ ***B.*** $\frac{-77}{60}$ C. $\frac{-5}{35}$ *D.* $\frac{59}{60}$.

Câu 12. Số nào sau đây là số vô tỉ?

thuvientoanhoc.com

A. $\sqrt{8}$. **B**. $-0,25$. **C**. $\sqrt{16}$. **D**. $5,(04)$.

Câu 13. Trong các số sau, số nào ***không*** phải số hữu tỉ?

A. $\sqrt{3}$. **B**. $2,(3)$. **C**. $1,256$. **D**. $3\frac{1}{4}$.

Câu 14. Nếu $\sqrt{x}=9$ thì giá trị của x là

A. $x=3$. **B**. $x=-3$. **C**. $x=-81$. **D**. $x=81$.

Câu 15. Cho ba đường thẳng phân biệt a,b và c, biết $a//b$ và $a//c$. Kết luận nào đúng:

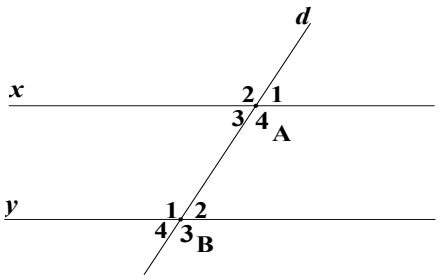
A. $b//c$ **B**. $b\perp c$

C. $a\perp b$ **D**. Tất cả các đáp án A, B, C đều sai

Câu 16. Cho tia Oz là tia phân giác của $\widehat{xOy}$. Biết $\widehat{xOy}=60^o$. Số đo của $\widehat{xOz}$ là:

A. 30° **B**. 160° **C**.120° **D**. 60°

Câu 17. Biết một cặp góc so le trong $\widehat{A_4}=\widehat{B_1}=130°$. Tính số đo của cặp góc so le trong còn lại là:

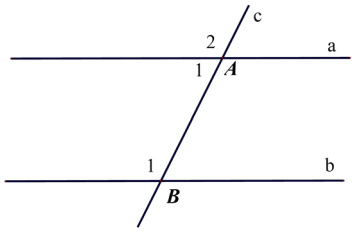


A. 40° **B**. 50° **C**. 130° **D**. 145°

Câu 18. Qua một điểm ở ngoài một đường thẳng, vẽ được bao nhiêu đường thẳng đi qua điểm đó và song song với đường thẳng đã cho:

A. Không có **B**. Chỉ có một **C**. Có ít nhất một **D**. Có vô số

Câu 19. Cho hình vẽ, biết $a//b$ và $\widehat{B_1}=110°$. Số đo góc A_2 là:



A. $\widehat{A_2}=60°$ **B**. $\widehat{A_2}=70°$ **C**. $\widehat{A_2}=110°$ **D**. $\widehat{A_2}=130°$

Câu 20. Câu nào sau đây **không** đúng?

A. Định lí là một khẳng định suy ra từ những khẳng định đúng đã biết.

B. Khi định lí được phát biểu dưới dạng: "Nếu… thì…" phần nằm giữa từ "nếu" và "thì" là phần giả thiết, viết tắt GT, phần sau từ "thì" là phần kết luận, viết tắt KL.

C. Chứng minh định lí dùng lập luận từ giả thiết và những khẳng định đúng để suy ra kết luận.

D. Khi chứng minh định lí ta dùng cách đo đạc trực tiếp để suy ra kết luận.

thuvientoanhoc.com

II. TỰ LUẬN. ***(5,0 điểm)***

Câu 21. ***(1,5 điểm)***

1) Tính:

a) 12,38. 48 + 12,38 . 52

b) $\left(\frac{1}{3}\right)^2 : \frac{-2}{9} + \frac{1}{2}$

2) Bạn An trang trí một chiếc trống có bán kính mặt trống R = 12 cm. Em hãy giúp bạn An xác định diện tích của mặt trống theo đơn vị cm và làm tròn đến độ chính xác 0,05. Biết diện tích hình tròn là 3,14.

Câu 22. ***(1,5 điểm)*** Tìm x biết:

$a)\ 3x + \frac{1}{4} = \frac{5}{4}$

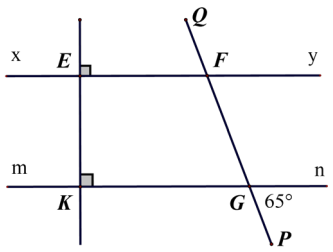
$b)\ (x-3)^3 = 216$

Câu 23. ***(1,5 điểm)*** Cho hình vẽ.

Vẽ hình và viết giả thiết, kết luận của bài toán, sau đó:

a) Chứng minh: xy // mn?

b) Tính số đo góc EFG?



Câu 24. ***(0,5 điểm)*** Trong ngày khai trương, một cửa hàng bán đồ ăn mở hai chương trình khuyến mãi:

+ Hình thức 1 : Mua 3 suất ăn tính tiền 2 suất ăn

+ Hình thức 2: Giảm 15% cho tổng hóa đơn

Biết giá vé cho mỗi suất ăn là 289 000 đồng (giá chưa bao gồm thuế VAT 10%) . Hỏi nếu gia đình bạn Bình có 5 người đến ăn thì nên chọn hình thức nào có lợi hơn? Vì sao?

---------- HẾT ----------

thuvientoanhoc.com

thuvientoanhoc.com